

Sản phẩm và Danh mục Bổ sung Thảo dược Không kê toa năm (OTC) 2023

Giữ danh mục này
cho các đơn đặt hàng
trong tương lai.



Nhận các mặt hàng OTC được giao đến tận
nhà của quý vị mà không phải trả thêm phí!



nations **OTC**

CleverCare.NationsBenefits.com

Mua sắm Dễ dàng hơn, Khỏe mạnh hơn và Hạnh phúc hơn

Xin chào, Thành viên Đáng quý:

Chúng tôi muốn nhân cơ hội này để chào đón quý vị và cảm ơn quý vị đã chọn chương trình **Clever Care Health Plan** để tham gia vào việc chăm sóc sức khỏe của quý vị. Là một thành viên đáng quý, quý vị có một quyền lợi bổ sung thảo dược và OTC thông qua **NationsOTC®** cho phép quý vị tiếp cận hàng trăm các sản phẩm OTC và bổ sung thảo dược trên nhiều loại.

Việc đặt hàng rất đơn giản. Quý vị có bốn cách dễ dàng để sử dụng trợ cấp quyền lợi của mình và nhận vận chuyển hai ngày miễn phí. Chúng tôi khuyến khích quý vị duy trì danh mục này ở nơi quý vị có thể truy cập dễ dàng. Quý vị có thể sử dụng danh mục của mình để đặt hàng trong tương lai. Nó cũng chứa thông tin hữu ích như:

- Hướng dẫn cách đặt hàng
- Biểu mẫu đặt hàng và phong bì đã thanh toán bưu phí
- Danh sách tóm lược về danh mục và sản phẩm đủ điều kiện

Nếu quý vị cần trợ giúp để đặt hàng, vui lòng gọi **888-441-5976 (TTY: 711)**. Các Cố vấn Trải nghiệm Thành viên của chúng tôi làm việc 24 giờ mỗi ngày, 7 ngày mỗi tuần, 365 ngày mỗi năm. Dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ có sẵn nếu cần và miễn phí.

Trân trọng,

Nhóm NationsOTC của Quý vị

Thông tin Quyền lợi Hữu ích



Quý vị có thể tiết kiệm thời gian và tiền bằng cách sử dụng trợ cấp quyền lợi bổ sung OTC và thảo dược của quý vị để đặt hàng các mặt hàng quý vị cần để cá nhân hóa dịch vụ chăm sóc của mình. Chúng tôi khuyến khích quý vị chi tiêu toàn bộ trợ cấp trước khi kết thúc giai đoạn quyền lợi của mình.

Thông tin bổ sung về quyền lợi bảo hiểm OTC và quyền lợi bảo hiểm thảo dược được trình bày dưới đây:



Sử dụng Quyền lợi:

Quyền lợi này chỉ dành cho quý vị và không thể được sử dụng cho gia đình hoặc bạn bè của quý vị.



Tình trạng sẵn có:

Các mặt hàng, số lượng, kích thước và giá trị có thể thay đổi tùy thuộc vào tình trạng sẵn có của sản phẩm.



Thay thế:

Nếu một mặt hàng hết hàng, một sản phẩm tương tự có giá trị tương đương hoặc cao hơn sẽ được giao hàng.



Giao hàng:

Vui lòng chờ 2 ngày để nhận được hàng.



Trả lại:

Do tính chất riêng của các sản phẩm này, quý vị không cần phải gửi sản phẩm mà quý vị muốn trả lại cho NationsOTC.



Hủy ghi danh:

Nếu quý vị hủy ghi danh chương trình bảo hiểm sức khỏe của quý vị, quyền lợi OTC của quý vị sẽ tự động kết thúc.

Đặt Mua Sản phẩm Chưa bao giờ Dễ dàng hơn

Quý vị có bốn cách thuận tiện để đặt mua hàng. Chọn lựa chọn phù hợp với quý vị nhất:



Trang web



Để đặt hàng thông qua cổng thông tin MyBenefits, scan mã QR bằng máy ảnh điện thoại thông minh hoặc truy cập: **CleverCare.NationsBenefits.com**



Ứng dụng



Để đặt hàng thông qua ứng dụng MyBenefits, hãy scan mã QR bằng điện thoại thông minh của quý vị hoặc tìm kiếm **"MyBenefits"** trong App Store hoặc Google Play.



Nếu đây là lần đầu tiên quý vị đặt hàng trực tuyến, quý vị sẽ cần phải tạo một tài khoản bằng cách đăng ký trên **cổng thông tin MyBenefits** hoặc **ứng dụng MyBenefits**. Nếu quý vị đã tạo một tài khoản, chỉ cần đăng nhập và chọn các mục quý vị muốn đặt hàng. Khi quý vị đã sẵn sàng đặt hàng, nhấp vào **"Thanh toán"**.



Điện thoại

Để đặt hàng qua điện thoại, vui lòng gọi **888-441-5976 (TTY: 711)**.

Các Cố vấn Trải nghiệm Thành viên của chúng tôi làm việc 24 giờ mỗi ngày, 7 ngày mỗi tuần, 365 ngày mỗi năm.



Gửi thư

Để đặt hàng qua thư, hãy gửi biểu mẫu yêu cầu đã hoàn thành của quý vị bằng phong bì đã thanh toán bưu phí đến:

NationsOTC
1801 NW 66th Avenue, Suite 100
Plantation, FL 33313

Vui lòng Lưu ý: Các mẫu đơn đặt hàng cần được gửi **trước ngày 20** của tháng để đảm bảo tổng đơn hàng được áp dụng cho giai đoạn quyền lợi hiện tại. Chúng tôi khuyến khích quý vị đặt hàng trực tuyến hoặc qua điện thoại nếu giai đoạn quyền lợi của quý vị sắp kết thúc. Vui lòng không gửi tiền mặt hoặc séc qua thư.

Danh Mục Sản Phẩm



Để xem danh sách đầy đủ các sản phẩm bổ sung thảo dược và OTC được đài thọ năm 2023 của quý vị, vui lòng truy cập **cổng thông tin MyBenefits tại địa chỉ CleverCare.NationsBenefits.com**

Thảo dược Bổ sung	6
Các Sản phẩm OTC Bán chạy Nhất và Mới	8
An toàn Phòng tắm & Phòng ngừa Té ngã	10
Cảm Lạnh, Cúm & Dị Ứng	10
Chăm Sóc Răng Miệng & Răng Giả	11
Điều Trị Bệnh Tiểu Đường	11
Sức Khỏe Đường Tiêu Hóa	12
Chăm Sóc Mắt & Tai	12
Vật Tư Sơ Cứu & Vật Tư Y Tế	12
Chăm Sóc Bàn Chân	13
Chế Phẩm Trị Bệnh Trĩ	13
Chẩn Đoán Tại Nhà & Hỗ Trợ Bệnh Nhân	13
Dụng Cụ Cho Người Đại Tiểu Tiện Không Tự Chủ	14
Thuốc Giảm Đau	14
Chăm Sóc Cá Nhân	15
Phục hồi chức năng, Trị liệu & Tập luyện	15
Chăm Sóc Da	15
Thuốc Ngủ	16
Vitamin & Thực Phẩm Chức Năng	16

Thảo dược Bổ sung



**Buzhang Fufang
Shiwei Jiaonang**
Số lượng 36

Mã số mặt hàng: 4317 **\$16.50**



**Dầu Thảo dược Làm dịu
Ching Wan Hung, 10 gm.**
Số lượng 1

Mã số mặt hàng: 4319 **\$8.50**



**Dầu thuốc Eagle Brand,
24 ml.**
Số lượng 1

Mã số mặt hàng: 4013 **\$12.00**



Miếng dán Salonpas®
Số lượng 6

Mã số mặt hàng: 5383 **\$13.00**



Miếng dán Tiger Balm®, Lớn
Số lượng 4

Mã số mặt hàng: 4017 **\$8.00**



**Thuốc mỡ Tiger Balm®
Nồng độ Mạnh, 0.63 oz.**
Số lượng 1

Mã số mặt hàng: 4018 **\$7.00**



**Viên nang Nhân sâm,
200 mg.†**
Số lượng 50

Mã số mặt hàng: 4021 **\$5.00**



**Viên nang Ginkgo Biloba,
60 mg.†**
Số lượng 50

Mã số mặt hàng: 4023 **\$5.00**



**Great Wall Brand
Huang Lian Sheng Qing**
Số lượng 96

Mã số mặt hàng: 4294 **\$25.75**



**Great Wall Brand
Yin Chiao Chiehtupien**
Số lượng 96

Mã số mặt hàng: 4295 **\$25.75**

Thảo dược Bổ sung



**Jiuzhitang Xiang
Sha Yan Wei Wan**
Số lượng 200

Mã số mặt hàng: 4308 **\$9.00**



Trt Huo Xiang Trinh Qi Pian
Số lượng 144

Mã số mặt hàng: 4309 **\$34.75**



**Jiuzhitang Bu Zhong
Yi Qi Wan**
Số lượng 200

Mã số mặt hàng: 4339 **\$10.00**



**Jiuzhitang Golden
Lock Gujing**
Số lượng 200

Mã số mặt hàng: 4340 **\$9.50**



Jiuzhitang Gui Pi Wan
Số lượng 200

Mã số mặt hàng: 4341 **\$10.00**



**Jiuzhitang Liu Wei
Di Huang Wan**
Số lượng 200

Mã số mặt hàng: 4342 **\$10.00**



Jiuzhitang Qiju Dihuang Wan
Số lượng 200

Mã số mặt hàng: 4343 **\$10.00**



**Jiuzhitang Zhi Bai
Di Huang Wan**
Số lượng 200

Mã số mặt hàng: 4344 **\$10.00**



TRT Niu Huang Jie Du Pian
Số lượng 96

Mã số mặt hàng: 4350 **\$27.50**



TRT Shun Chi Wan
Bổ sung thảo dược
Số lượng 300

Mã số mặt hàng: 4352 **\$20.50**

Bán chạy nhất và các sản phẩm OTC mới



**Viên nén Great Wall Brand
Yin Chiao**
Số lượng 120

Mã số mặt hàng: 4296 **\$20.25**



**Dầu Cá Dạng Viên Nang
Mềm, 1,000 mg.†**
Số lượng 60

Mã số mặt hàng: 5140 **\$9.00**



Tăm bông Q-Tips®
Số lượng 170

Mã số mặt hàng: 5608 **\$4.00**



Band-Aids®*
Số lượng 100

Mã số mặt hàng: 5128 **\$8.50**



**Găng Tay Dùng Một Lần,
Nitrile, Cỡ Vừa**
Số lượng 100

Mã số mặt hàng: 5193 **\$16.00**



**Thang đo phòng tắm,
thiết bị kỹ thuật số**
Số lượng 1

Mã số mặt hàng: 5119 **\$35.00**



**Máy đo Huyết áp, Sử dụng
bằng Tay†**
Số lượng 1

Mã số mặt hàng: 5562 **\$15.00**



**Hộp Đựng Thuốc, 7 Ngày,
Sáng & Chiều**
Số lượng 1

Mã số mặt hàng: 5508 **\$9.00**



**Khăn Lau Cho Người Lớn Loại
Dùng Một Lần***
Số lượng 48

Mã số mặt hàng: 5447 **\$5.50**



Viên nén Advil®, 200 mg.
Số lượng 50

Mã số mặt hàng: 5053 **\$12.00**

Bán chạy nhất và các sản phẩm OTC mới



Kem đánh răng, Colgate®
4 oz.
Số lượng 1

Mã số mặt hàng: 5047 **\$4.00**



Viên nén Tylenol® Nồng độ Cao, 500 mg.
Số lượng 100

Mã số mặt hàng: 5423 **\$17.00**



Bàn chải đánh răng, Colgate®
Mềm dành cho Người lớn
Số lượng 1

Mã số mặt hàng: 5505 **\$3.00**



Lutein, 20 mg.†
Số lượng 60

Mã số mặt hàng: 5436 **\$11.00**



Kem đánh răng, Crest®
Sensi-Relief, 4.1 oz.
Số lượng 1

Mã số mặt hàng: 5811 **\$9.00**



DayQuil® Liquid,
325 mg., 10 mg., 5 mg., 8 oz.
Số lượng 1

Mã số mặt hàng: 5234 **\$12.00**



Viên Ngậm Trị Ho,
Không Đường
Số lượng 25

Mã số mặt hàng: 5405 **\$3.00**



Viên Ngậm Trị Ho,
Vị Chanh Mật Ong
Số lượng 30

Mã số mặt hàng: 5545 **\$3.00**



Vitamin C, 1,000 mg.†
Số lượng 100

Mã số mặt hàng: 5748 **\$9.00**



Kem Dưỡng Da Chân Cho
Người Mắc Tiểu Đường, 4 oz.
Số lượng 1

Mã số mặt hàng: 5812 **\$12.00**

Mã số mặt hàng	Mô tả	Đếm	Giá
An toàn Phòng tắm & Phòng ngừa Té ngã			
5647	Thảm phòng tắm, Chống trơn trượt	1 đơn vị	\$14.00
5853	Thảm tắm vòi sen, Chống trơn trượt	1 đơn vị	\$14.00
5806	Tất dép, một cỡ phù hợp hầu hết mọi người	1 đơn vị	\$5.50
Cảm Lạnh, Cúm & Dị Ứng			
5252	Abreva® Cream, 10%, 2 gm.	1 đơn vị	\$24.00
5084	Viên Uống Trị Tắc Nghẽn Xoang Acetaminophen, 325 mg., 5 mg.	24 đơn vị	\$4.50
5335	Nước Xịt Mũi Afrin®, 0.05%, 0.5 oz.	1 đơn vị	\$13.00
5790	Viên nhai Airborne® ‡	32 đơn vị	\$10.00
5606	Thuốc mỡ vôi Blistex®, 0.15 oz.	1 đơn vị	\$4.00
5344	Carmex®	1 đơn vị	\$2.50
5133	Viên ngậm trị Đau họng Cepacol®	16 đơn vị	\$5.00
5052	Viên Nén Trị Dị Ứng Cetirizine, 10 mg.	30 đơn vị	\$8.00
5334	Viên nén Claritin®, 10 mg.	10 đơn vị	\$18.00
5338	Thuốc Trị Ho & Cảm Lạnh cho Người Cao Huyết Áp	16 đơn vị	\$5.00
5220	Viên Ngậm Trị Ho, Vị Anh Đào	30 đơn vị	\$3.00
5202	Viên ngậm trị ho, Halls®	30 lần/ngày	\$4.50
5126	Viên Ngậm Trị Ho, Vị Bạc Hà	30 đơn vị	\$3.00
5399	Viên Uống Trị Cảm Lạnh & Cúm Ban Ngày & Ban Đêm	20 đơn vị	\$6.00
5451	Viên Nén Trị Dị Ứng Diphenhydramine, 25 mg.	24 đơn vị	\$3.00
5855	Viên Nén Trị Dị Ứng Fexofenadine, 180 mg.	30 lần/ngày	\$11.00
5856	Thuốc Xịt Mũi Dị Ứng Fluticasone Propionate, 24 Giờ, 144 lần xịt, 50 mcg.	1 đơn vị	\$21.00
5857	Viên Nén Trị Dị Ứng Loratadine, 10 mg.	100 đơn vị	\$12.00
5559	Dược Phẩm Dưỡng Môi, 0.15 oz.	1 đơn vị	\$2.00
5465	Viên nén Mucinex® DM, 600 mg., 30 mg.	20 đơn vị	\$17.00
5858	Thuốc Long Đàm DM & Giảm Ho Mucus Relief DM, Phóng Thích Kéo Dài, 1,200 mg., 60 mg.	14 đơn vị	\$10.00
5040	Thuốc Trị Cảm Lạnh & Cúm Dạng Lỏng Ban Đêm, 650 mg., 30 mg., 12.5 mg., 8 oz.	1 đơn vị	\$6.00
5233	NyQuil® Liquid, 650 mg., 30 mg., 12.5 mg., 8 oz.	1 đơn vị	\$12.00
5005	Robitussin® DM Syrup, 200 mg., 20 mg., 4 oz.	1 đơn vị	\$11.00
5072	Nước Muối Sinh Lý Xịt Mũi, 0.65%, 1.5 oz.	1 đơn vị	\$3.50
5693	Kẹo Ngậm Trị Đau Họng, Vị Anh Đào	18 đơn vị	\$5.00
5023	Sirô Không Đường Tussin DM, 100 mg., 10 mg., 4 oz.	1 đơn vị	\$4.00

Mã số mặt hàng	Mô tả	Đếm	Giá
Cảm Lạnh, Cúm & Dị Ứng			
5511	Thuốc Bôi Vapor Rub, 3.5 oz.	1 đơn vị	\$5.00
5426	Zyrtec® 10 mg.	14 đơn vị	\$22.00
Chăm Sóc Răng Miệng & Răng Giả			
5700	Nước Súc chống Khô miệng Biotene®, 16 oz.	1 đơn vị	\$14.00
5330	Chỉ Nha Khoa, Sáp Bạc Hà	1 đơn vị	\$3.00
5130	Chỉ Nha Khoa, Sáp Bạc Hà Reach®	1 đơn vị	\$4.00
5168	Bộ Chăm Sóc Răng Khi Đi Du Lịch	1 đơn vị	\$3.50
5260	Kem Dính Răng Giả, 2.4 oz.	1 đơn vị	\$4.00
5626	Bàn Chải Răng Giả	1 đơn vị	\$1.50
5546	Viên Làm Sạch Răng Giả	40 đơn vị	\$4.00
5808	Viên nén Efferdent® Thêm Bạc hà	44 đơn vị	\$9.00
5204	Viên nén Efferdent®	20 đơn vị	\$3.00
5379	Kem Fixodent®, 2.4 oz.	1 đơn vị	\$7.00
5200	Tăm Chỉ Nha Khoa	90 đơn vị	\$3.50
5195	Gel Giảm Đau Răng Miệng, 20%, 0.33 oz.	1 đơn vị	\$3.00
5809	Polident® Overnight	84 đơn vị	\$12.00
5810	Dụng Cụ Làm Sạch Lưỡi	1 đơn vị	\$6.00
5510	Bàn Chải Đánh Răng, Người Lớn	1 đơn vị	\$1.50
6051	Bàn Chải Đánh Răng, Chạy Bằng Pin	1 đơn vị	\$17.00
5101	Bàn chải đánh răng Colgate® Dành cho Người lớn, Trung bình	1 đơn vị	\$3.00
5160	Bàn Chải Đánh Răng, Dạng Sạc	1 đơn vị	\$35.00
5161	Bàn Chải Đánh Răng, Dạng Sạc, Có Đầu Thay Thế	2 đơn vị	\$17.00
5702	Bàn Chải Đánh Răng, Loại Mềm, Gói Gồm 2 Chiếc	1 đơn vị	\$5.50
5241	Dụng Cụ Bóp Kem Đánh Răng	1 đơn vị	\$3.00
5102	Kem Đánh Răng, Fluoride, 6.4 oz.	1 đơn vị	\$3.00
5859	Kem đánh răng, Pepsodent® 5.5 oz.	1 đơn vị	\$3.50
5421	Kem Đánh Răng, Cho Răng Nhạy Cảm, 4.3 oz.	1 đơn vị	\$4.00
5294	Kem đánh răng, Ultrabrite® 6 oz.	1 đơn vị	\$4.00
Điều Trị Bệnh Tiểu Đường			
5295	Gạc Tẩm Cồn*	100 đơn vị	\$3.50
5225	Vớ Dành Cho Người Mắc Tiểu Đường, Màu Đen, Cỡ Vừa, Gói 3 Đôi	1 đơn vị	\$7.00

*¹⁵Xem Trang 17

Mã số mặt hàng	Mô tả	Đếm	Giá
Điều Trị Bệnh Tiểu Đường			
5223	Vớ Dành Cho Người Mắc Tiểu Đường, Màu Đen, Cỡ Lớn, Gói 3 đôi	1 đơn vị	\$7.00
5222	Vớ Dành Cho Người Mắc Tiểu Đường, Màu Trắng, Cỡ Lớn, Gói 3 Đôi	1 đơn vị	\$7.00
Sức Khỏe Đường Tiêu Hóa			
5214	Viên nén Alka-Seltzer®	24 đơn vị	\$8.00
5304	Viên Nhai Kháng Axit, 500 mg.	150 đơn vị	\$5.00
5438	Viên Nhai Kháng Axit, Nồng Độ Cao, 750 mg.	96 đơn vị	\$4.50
5420	Viên Nang Mềm Chống Táo Bón Docusate Sodium, 100 mg.	100 đơn vị	\$5.00
5079	Thuốc Giảm Lượng Axit Famotidine, 10 mg.*	30 lần/ngày	\$5.00
5280	Viên Nén Nhai Giảm Đau Hơi, 80 mg.	100 đơn vị	\$6.00
5009	Gas-X® Nồng độ Cao, Dạng Nhai, 125 mg.	18 đơn vị	\$10.00
5429	Viên Uống Trị Tiêu Chảy Loperamide, 2 mg.*	12 đơn vị	\$5.00
5863	Thuốc Giảm Axit Omeprazole, Viên Nén Phóng Thích Chậm, 20 mg.*	42 đơn vị	\$23.00
5286	Pepto-Bismol® 525 mg., 8 oz.	1 đơn vị	\$8.00
5289	Viên nén Pepto-Bismol®, 262 mg.	30 lần/ngày	\$8.00
5696	Bột Nhuận Tràn Glycol Polyethylene, 8.3 oz.	1 đơn vị	\$13.50
5212	Senna + Viên Nén Nhuận Tràn, 50 mg., 8.6 mg.	60 đơn vị	\$3.00
5800	TUMS® Nồng độ Cao, 750 mg.	96 đơn vị	\$7.50
Chăm Sóc Mắt & Tai			
5004	Nước Mắt Nhân Tạo, 0.5 oz.	1 đơn vị	\$4.50
5487	Thuốc nhỏ mắt Clear Eyes®, 0.2 oz.	1 đơn vị	\$4.00
5385	Tăm Bông	300 đơn vị	\$4.00
5189	Thuốc Nhỏ Loại Bỏ Ráy Tai, 6.5%, 0.5 oz.	1 đơn vị	\$3.00
5704	Hệ Thống Loại Bỏ Ráy Tai có Bóng Đền Cao Su, 6.5%	1 đơn vị	\$9.00
5041	Thuốc Nhỏ Mắt Giảm Kích Ứng, 0.5 oz.	1 đơn vị	\$7.00
5048	Thuốc Nhỏ Giảm Đỏ Mắt, 0.5 oz.	1 đơn vị	\$3.00
Vật Tư Sơ Cứu & Vật Tư Y Tế			
5404	Băng Keo Sơ Cứu*	1 đơn vị	\$3.00
6005	Khăn Lau Khử Trùng	100 đơn vị	\$6.00
5798	Thuốc Mỡ Bacitracin, 1 oz.	1 đơn vị	\$4.00
5151	Băng Cứu Thương, Gạc Quấn*	1 đơn vị	\$2.00
5173	Băng Cứu Thương, Đủ Loại*	100 đơn vị	\$4.50
5203	Kem Benadryl®, 1 oz.	1 đơn vị	\$8.00
5547	Thuốc Xịt Trị Bông, 4 oz.	1 đơn vị	\$6.00

*¹⁵Xem Trang 17

Mã số mặt hàng	Mô tả	Đếm	Giá
Vật Tư Sơ Cứu & Vật Tư Y Tế			
5199	Băng Hình Bướm	12 đơn vị	\$3.00
5192	Bông Gòn	100 đơn vị	\$4.00
5078	Kem Trị Ngứa Diphenhydramine, 2%, 1.25 oz.	1 đơn vị	\$4.00
5191	Găng Tay Dùng Một Lần, Nitrile, Cỡ Lớn	100 đơn vị	\$16.00
5930	Găng Tay Dùng Một Lần, Nitrile, Cỡ XL	100 đơn vị	\$16.00
5612	Bộ Sơ Cứu, 75 Miếng	1 đơn vị	\$7.50
5711	Bộ Sơ Cứu, 175 Miếng	1 đơn vị	\$15.00
5605	Băng dạng Xịt Flex Seal™, 1.35 oz.*	1 đơn vị	\$7.00
5400	Kem Hydrocortisone, 1%, 1 oz.	1 đơn vị	\$4.00
5527	Hydrogen Peroxide, 3%, 4 oz.	1 đơn vị	\$2.00
5227	Hydrogen Peroxide, 3%, 8 oz.	1 đơn vị	\$4.00
5317	Túi Đá	1 đơn vị	\$5.00
5045	Băng Vết Thương Dạng Lông, 0.3 oz.	1 đơn vị	\$8.00
5059	Thuốc mỡ Neosporin®, 0.5 oz.	1 đơn vị	\$8.00
5250	Neosporin® Plus, 0.5 oz.	1 đơn vị	\$9.00
5437	Sáp Dầu Khoáng, 4 oz.	1 đơn vị	\$3.00
5817	Khẩu Trang Y Tế có Dây Đeo	50 đơn vị	\$12.00
5541	Cồn Xoa Bóp, 70%, 16 oz.*	1 đơn vị	\$4.00
5131	Băng Keo Giấy Dùng Trong Phẫu Thuật, 1" x 10 yd.*	1 đơn vị	\$2.00
4039	Thuốc Mỡ Giảm Đau + Kết hợp 3 Loại Kháng Sinh, 1 oz.	1 đơn vị	\$4.00
5869	Thuốc Mỡ Kết Hợp 3 Loại Kháng Sinh, 1 oz.	1 đơn vị	\$4.50
5127	Vaseline® Jelly, 3.75 oz.	1 đơn vị	\$4.50
Chăm Sóc Bàn Chân			
5216	Kem Dưỡng Da Chân Dành Cho Vận Động Viên, 1%, 1.5 oz.	1 đơn vị	\$4.00
Chế Phẩm Trị Bệnh Trĩ			
5414	Thuốc Mỡ Trị Bệnh Trĩ, 2 oz.	1 đơn vị	\$5.00
5820	hãn lau Tẩm thuốc Preparation H®	48 đơn vị	\$11.00
Chẩn Đoán Tại Nhà & Hỗ Trợ Bệnh Nhân			
5813	Thiết bị theo dõi hoạt động	1 đơn vị	\$55.00
5814	Cân phòng tắm, điện tử có tiếng†§	1 đơn vị	\$45.00
5371	Máy Đo Huyết Áp Tự Động Ở Bắp Tay‡	1 đơn vị	\$35.00
5370	Máy Đo Huyết Áp Ở Cổ Tay	1 đơn vị	\$30.00

*†§ Xem Trang 17

Mã số mặt hàng	Mô tả	Đếm	Giá
Chẩn Đoán Tại Nhà & Hỗ Trợ Bệnh Nhân			
5872	Máy Đo Huyết Áp Ở Cổ Tay, Kèm Giọng Nói [‡]	1 đơn vị	\$40.00
5821	Cân Điện Tử Trong Phòng Bếp [‡]	1 đơn vị	\$25.00
5500	Bông Tắm Bọt Biển Có Tay Cầm Dài	1 đơn vị	\$8.00
5639	Đèn Ban Đêm	1 đơn vị	\$4.00
5096	Máy Đo Nồng Độ Oxy Trong Máu [‡]	1 đơn vị	\$35.00
5098	Thiết bị hỗ trợ với	1 đơn vị	\$16.50
5656	Cây xô gầy	1 đơn vị	\$2.00
5149	Nhiệt Kế, 60 Giây	1 đơn vị	\$3.00
6048	Nhiệt Kế Điện Tử Đo Ở Tai	1 đơn vị	\$28.00
5627	Nhiệt Kế, Có Giọng Nói, Đo ở Tai & Trán	1 đơn vị	\$48.50
Dụng Cụ Cho Người Đại Tiểu Tiện Không Tự Chủ			
5525	Thuốc Mỡ A&D, 4 oz.	1 đơn vị	\$3.00
5879	Bỉm tiểu loại Moderate dành cho phụ nữ Attends®*	20 đơn vị	\$8.00
5880	Bỉm tiểu loại Maximum dành cho phụ nữ Attends®*	20 đơn vị	\$9.00
5881	Miếng đệm Quần lót Nữ Attends®*	28 đơn vị	\$6.50
5716	Miếng đệm siêu mỏng dành cho phụ nữ Attends®*	20 đơn vị	\$8.00
5825	Khăn Tắm	8 đơn vị	\$7.00
5883	Đồ Lót Dùng Một Lần Loại Kéo Lên, Cỡ Vừa, 34" đến 44"*	20 đơn vị	\$15.00
5882	Đồ Lót Dùng Một Lần Loại Kéo Lên, Cỡ Lớn, 44" đến 58"*	18 đơn vị	\$15.00
5884	Đồ Lót Dùng Một Lần Loại Kéo Lên, Cỡ XL, 68" đến 58"*	14 đơn vị	\$15.00
5529	Khăn Lau Có Thể Xả Được Xuống Bồn Cầu*	24 đơn vị	\$5.50
5722	Tấm Lót, Dùng Một Lần, 30" x 30"*	10 đơn vị	\$10.00
Giảm Đau			
5430	Acetaminophen Trị Viêm Khớp, 650 mg.	100 đơn vị	\$11.00
5303	Acetaminophen Viên Nén Nồng Độ Cao, 500 mg.	100 đơn vị	\$6.50
5428	Viên Uống Acetaminophen PM Nồng Độ Cao, 500 mg., 25 mg.	50 đơn vị	\$3.00
6039	Viên Uống Acetaminophen PM Nồng Độ Cao, 500 mg., 25 mg.	100 đơn vị	\$7.00
5054	Advil® LiquiGels, 200 mg.	20 đơn vị	\$8.00
5375	Thuốc Làm dịu After Bite®, 0.5 oz.	1 đơn vị	\$6.00
5256	Viên nang Aleve®, 220 mg.	90 đơn vị	\$15.00
4040	Aspercreme® với Lidocaine, 4%, 2.7 oz.	1 đơn vị	\$13.00
5073	Aspirin Dạng Nhai, Liều Thấp, 81 mg.	36 đơn vị	\$2.50

*¹⁵Xem Trang 17

Mã số mặt hàng	Mô tả	Đếm	Giá
Giảm Đau			
5090	Aspirin, Viên Nén Có Bọc và Tan Trong Ruột, Liều Thấp, 81 mg.	120 đơn vị	\$4.00
5034	Viên nén Aspirin phủ Enteric Bayer®, Liều Thấp, 81 mg.	32 đơn vị	\$4.50
4007	Miếng Dán Nhiệt Capsaicin, 0.025%	2 đơn vị	\$2.00
5080	Miếng Dán Nóng và Lạnh Chứa Thuốc	5 đơn vị	\$6.00
4038	Gel Giảm Đau Viêm Khớp Diclofenac, 1%, 3.53 oz.	1 đơn vị	\$12.00
4014	Dầu thuốc Eagle Brand, Hương oải hương, 24 ml.	1 đơn vị	\$13.00
5011	Viên nén Trị chứng Đau nửa đầu Excedrin®, 250 mg., 250 mg., 65 mg.	24 đơn vị	\$8.00
5314	Xịt giảm đau Fast Freeze®, 4 oz.	1 đơn vị	\$9.00
5472	Tấm Sưởi, 12" x 15"*	1 đơn vị	\$22.00
5726	Tấm Sưởi, Cỡ XL, 12" x 24"*	1 đơn vị	\$35.00
5887	Miếng Dán Nhiệt, Cổ & Vai	3 đơn vị	\$6.00
5093	Viên Nén Ibuprofen, 200 mg.	50 đơn vị	\$3.00
5485	Viên Nén Ibuprofen, 200 mg.	100 đơn vị	\$5.00
5342	Thuốc giảm đau Icy Hot® Loại lăn, 16%, 2.5 oz.	1 đơn vị	\$9.00
5341	Miếng dán Icy Hot®, 5%	5 đơn vị	\$8.00
5888	Miếng Dán Lidocaine, 4%	5 đơn vị	\$9.00
5457	Kem Xoa Bóp Cơ Bắp, 1.25 oz.	1 đơn vị	\$3.00
5425	Viên nén Tylenol® PM, Nồng độ Cao, 500 mg.	24 đơn vị	\$11.00
Chăm Sóc Cá Nhân			
5390	Dầu Gội Trị Gàu, 11 oz.	1 đơn vị	\$5.00
Phục hồi chức năng, Trị liệu & Tập luyện			
6073	Máy tập đạp	1 đơn vị	\$50.00
Chăm Sóc Da			
5535	Kem Chiết Xuất Từ Nha Đam, 6 oz.	1 đơn vị	\$3.50
5169	Khăn Ướt Kháng Khuẩn	24 đơn vị	\$3.00
5091	Kem Dành Cho Da Khô, 16 oz.	1 đơn vị	\$9.00
5924	Gel Rửa Tay Sát Khuẩn, 8 oz.	1 đơn vị	\$4.50
5486	Thuốc chống côn trùng, Cutter® Loại Backwoods, 6 oz.	1 đơn vị	\$8.00
6036	Sữa dưỡng ẩm toàn thân với nha đam, 8 oz.	1 đơn vị	\$6.00
5665	Kem Chống Nắng, SPF 30, 4 oz.	1 đơn vị	\$6.00

Mã số mặt hàng	Mô tả	Đếm	Giá
Thuốc Ngủ			
5074	Thuốc Ngủ Diphenhydramine Dạng Viên Nén	50 đơn vị	\$5.00
Vitamin & Thực Phẩm Chức Năng			
5359	Kẹo Dẻo Biotin, 5,000 mcg. [‡]	60 đơn vị	\$8.50
5300	Canxi, 600 mg. [‡]	60 đơn vị	\$6.00
5355	Kẹo Dẻo Canxi + Vitamin D3, 500 mg., 25 mcg. [‡]	60 đơn vị	\$12.00
5298	Viên nén Canxi + Vitamin D3, 600 mg. [‡]	60 đơn vị	\$4.00
5001	Vitamin Centrum® Bạc [‡]	125 đơn vị	\$22.00
5156	Coenzyme Q-10, 100 mg. [‡]	30 lần/ngày	\$11.00
5918	Vitamin Tổng Hợp Hàng Ngày Dạng Kẹo Dẻo [‡]	120 đơn vị	\$12.00
5448	Viên Nén BỔ MẮT [‡]	60 đơn vị	\$4.00
5299	Thực Phẩm Bổ Sung Sắt Ferrous Sulfate, 325 mg. [‡]	100 đơn vị	\$3.00
5271	Dầu Hạt Lanh Dạng Viên Nang Mềm, 1,000 mg. [‡]	100 đơn vị	\$8.00
6026	Glucosamine (HỖ TRỢ SỨC KHỎE XƯƠNG KHỚP), 500 mg. [‡]	60 đơn vị	\$9.00
5176	Glucosamine Chondroitin, 1,500 mg., 1,200 mg. [‡]	60 đơn vị	\$16.00
5742	Magiê, 250 mg. [‡]	110 đơn vị	\$6.00
5328	Magiê, 500 mg. [‡]	100 đơn vị	\$7.00
5273	Melatonin, 3 mg. [‡]	90 đơn vị	\$6.00
5358	Kẹo Dẻo Melatonin, 5 mg. [‡]	120 đơn vị	\$12.00
5920	Vitamin Tổng Hợp Một Viên Mỗi Ngày Cho Nam Giới [‡]	100 đơn vị	\$6.00
5186	Vitamin Tổng Hợp Một Viên Mỗi Ngày Cho Nữ Giới [‡]	100 đơn vị	\$6.00
5132	Vitamin Tổng Hợp Cho Người Cao Tuổi [‡]	90 đơn vị	\$7.00
4005	Vitamin Tổng Hợp Cho Nam Giới Cao Tuổi [‡]	100 đơn vị	\$9.00
4006	Vitamin Tổng Hợp Cho Nữ Giới Cao Tuổi [‡]	100 đơn vị	\$9.00
5746	Vitamin B-12, 500 mcg. [‡]	100 đơn vị	\$6.00
6060	Vitamin B-12, 1,000 mcg. [‡]	100 đơn vị	\$9.50
5922	Vitamin B-12, DÙNG DƯỚI LƯỖI, 5,000 mcg. [‡]	30 lần/ngày	\$6.50
5305	Vitamin B Tổng Hợp [‡]	100 đơn vị	\$4.00
5179	Vitamin B Tổng Hợp + Vitamin C [‡]	100 đơn vị	\$7.00
5301	Vitamin C, 500 mg. [‡]	100 đơn vị	\$5.00
5492	Kẹo Dẻo Vitamin C, 250 mg. [‡]	60 đơn vị	\$9.00
5175	Vitamin D3, 10 mcg. [‡]	100 đơn vị	\$4.00
5183	Vitamin D3, 25 mcg. [‡]	100 đơn vị	\$8.00
5749	Vitamin D3, 125 mcg. [‡]	100 đơn vị	\$8.50

Mã số mặt hàng	Mô tả	Đếm	Giá
Vitamin & Thực Phẩm Chức Năng			
5356	Kẹo Dẻo Vitamin D3, 50 mcg. [‡]	60 đơn vị	\$11.00
5269	Vitamin E, 180 mg. [‡]	110 đơn vị	\$9.00
5274	Viên Nén Kẽm, 50 mg. [‡]	100 đơn vị	\$6.00

*Trong một số trường hợp nhất định, những mặt hàng này có thể được đài thọ theo Phần B hoặc Phần D. Khi một mặt hàng thuộc Phần B hoặc Phần D do các trường hợp cụ thể, quý vị sẽ không sử dụng quyền lợi OTC Bổ sung Phần C của mình để nhận mặt hàng này vì mặt hàng đã được Medicare đài thọ trong những trường hợp đó.

[‡]Mặt hàng có mục đích kép là các loại thuốc và sản phẩm có thể được sử dụng để điều trị một tình trạng bệnh lý hoặc để chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần nói chung. Quý vị chỉ có thể mua những mặt hàng này sau khi thảo luận về việc mua hàng với nhà cung cấp cá nhân của quý vị (hoặc đáp ứng các yêu cầu khác mà chương trình của quý vị có thể chỉ định).

[§]Cân được cung cấp cho các thành viên bị suy tim sung huyết hoặc bệnh gan, để theo dõi tình trạng giữ nước.

Danh sách sản phẩm này có thể thay đổi. Các mặt hàng, số lượng, kích thước và giá trị có thể thay đổi tùy thuộc vào tình trạng kho hàng. Thông tin này không phải là một bản mô tả đầy đủ về các lợi ích. Các mặt hàng có thể thay đổi tùy theo nhà sản xuất và tình trạng kho hàng. Các mặt hàng có thể được thêm vào hoặc gỡ bỏ bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Tên thương hiệu của các mặt hàng OTC là nhãn hiệu của mỗi công ty. Giá các mặt hàng có thể thay đổi theo từng năm. Vui lòng xem lại nhãn sản phẩm và tham khảo ý kiến bác sĩ của quý vị khi có bất kỳ thắc mắc nào về sức khỏe hoặc y tế.

Trang này được để trống có chủ ý.

BƯỚC 1 – Điền Thông Tin Cá Nhân

ID Thành Viên (có trên thẻ ID thành Viên)

Ngày Sinh (MM/DD/YYYY)

Tên

Họ

Số Đường Phố

Tên Đường Phố

Số Nhà/Căn Hộ

Thành Phố

Tiểu Bang

Mã ZIP

Điện Thoại

Email

BƯỚC 2 – Đưa Ra Lựa Chọn

MÃ SỐ MẶT
HÀNG

MÔ TẢ

GIÁ

SỐ LƯỢNG

TẤT CẢ

\$

\$

\$

\$

\$

\$

\$

\$

\$

\$

\$

\$

\$

BƯỚC 2 – Đưa Ra Lựa Chọn

MÃ SỐ MẶT HÀNG	MÔ TẢ	GIÁ	SỐ LƯỢNG	TẤT CẢ
_____	_____	_____	_____	\$ _____
_____	_____	_____	_____	\$ _____
_____	_____	_____	_____	\$ _____
_____	_____	_____	_____	\$ _____
_____	_____	_____	_____	\$ _____
Tổng Số tiền Đặt hàng.....				\$ _____

LƯU Ý: Nếu tổng số tiền vượt quá trợ cấp quyền lợi của quý vị, Cố vấn Trải nghiệm Thành viên sẽ gọi cho quý vị để thu tiền thanh toán trước khi đơn đặt hàng của quý vị có thể được xử lý.

BƯỚC 3 – Gửi Mẫu Đã Điền Qua Bưu Điện

Gửi đơn đặt hàng đã hoàn chỉnh bằng cách sử dụng phong bì đã trả bưu phí đến:

NationsOTC
1801 NW 66th Avenue, Suite 100
Plantation, FL 33313

Nếu quý vị có bất kỳ thắc mắc nào hoặc cần hỗ trợ đặt hàng, vui lòng gọi cho NationsOTC theo số **888-441-5976 (TTY: 711)**. Các Cố vấn Trải nghiệm Thành viên của chúng tôi làm việc 24 giờ mỗi ngày, 7 ngày mỗi tuần, 365 ngày mỗi năm. Dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ được cung cấp miễn phí.

Tôi hiểu rằng các số điện thoại và/hoặc email mà tôi cung cấp trên biểu mẫu này có thể được NationsOTC hoặc bất kỳ bên nào ký hợp đồng với NationsOTC sử dụng để liên hệ với tôi về tài khoản, chương trình quyền lợi sức khỏe của tôi hoặc các chương trình liên quan hoặc dịch vụ được cung cấp cho tôi.

QUAN TRỌNG: Vui lòng gửi mẫu đơn đặt hàng của quý vị qua đường bưu điện không muộn hơn ngày 20 của tháng để đảm bảo tổng tiền đơn đặt hàng của quý vị được áp dụng cho thời hạn quyền lợi hiện tại. Nếu quý vị cần đặt hàng sớm hơn, vui lòng đặt hàng trực tuyến hoặc gọi điện.

Quy định về Khả năng Tiếp cận và Không Phân biệt Đối xử

Phân biệt Đối xử là Vi phạm Pháp luật

Clever Care Health Plan Inc. (sau đây được gọi là Clever Care), tuân thủ luật dân quyền Liên bang hiện hành và không phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia, tuổi tác, tình trạng khuyết tật, giới tính. Clever Care không loại trừ mọi người hoặc đối xử với họ khác nhau vì chủng tộc, màu da, quốc gia, nguồn gốc, tuổi tác, khuyết tật hoặc giới tính (bao gồm cả việc mang thai, xu hướng tình dục và bản dạng giới)

Clever Care:

- Cung cấp hỗ trợ và dịch vụ miễn phí cho người khuyết tật để giao tiếp hiệu quả với chúng tôi, chẳng hạn như:
 - Thông dịch viên ngôn ngữ ký hiệu có trình độ
 - Thông tin văn bản ở các định dạng khác (bản in cỡ lớn, băng âm thanh, các định dạng điện tử có thể truy cập được, các định dạng khác)
- Cung cấp các dịch vụ ngôn ngữ miễn phí cho những người có ngôn ngữ chính không phải là tiếng Anh, chẳng hạn như:
 - Thông dịch viên có trình độ
 - Thông tin được viết bằng các ngôn ngữ khác

Nếu quý vị cần những dịch vụ này, vui lòng gọi số 1-833-808-8163 (TTY:711).

Nếu quý vị tin rằng Clever Care đã không cung cấp những dịch vụ này hoặc bị phân biệt đối xử theo cách khác dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia, tuổi tác, tình trạng khuyết tật hoặc giới tính, quý vị có thể gửi đơn khiếu nại bằng văn (bao gồm cả việc mang thai, xu hướng tình dục và bản dạng giới) chúng tôi:

Clever Care Health Plan
Attn: Civil Rights Coordinator
7711 Center Ave
Suite 100
Huntington Beach CA 92647

E-mail: civilrightscordinator@ccmapd.com

Fax: (657) 276-4721

Quý vị có thể nộp đơn khiếu nại qua thư, fax hoặc email. Nếu quý vị cần trợ giúp trong việc nộp đơn khiếu nại, Điều phối viên Dân Quyền của Clever Care luôn sẵn sàng trợ giúp quý vị.

Quý vị cũng có thể nộp đơn khiếu nại về quyền công dân cho Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh Hoa Kỳ, Văn phòng Dân Quyền theo phương thức điện tử thông qua cổng thông tin Văn phòng Khiếu nại Dân Quyền tại <https://ocrportal.hhs.gov/ocr/portal/lobby.jsf> hoặc qua thư hay qua điện thoại tới: U.S. Department of Health and Human Services, 200 Independence Avenue SW., Room 509F, HHH Building, Washington, D.C. 20201, 1-800-368-1019, 800-537-7697 (TDD).
Biểu mẫu khiếu nại có sẵn tại <http://www.hhs.gov/ocr/office/file/index.html>.

MULTI-LANGUAGE INTERPRETER SERVICES

English: We have free interpreter services to answer any questions you may have about our health or drug plan. To get an interpreter, just call us at (833) 388-8168 (TTY:711). Someone who speaks English/Language can help you. This is a free service.

Español (Spanish): Tenemos servicios de intérprete sin costo alguno para responder cualquier pregunta que pueda tener sobre nuestro plan de salud o medicamentos. Para hablar con un intérprete, por favor llame al (833) 388-8168 (TTY:711). Alguien que hable español le podrá ayudar. Este es un servicio gratuito.

Chinese Mandarin: 我们提供免费的翻译服务，帮助您解答关于健康或药物保险的任何疑问。如果您需要此翻译服务，请致电 (833) 808-8153 (TTY:711) (普通话)。我们的中文工作人员很乐意帮助您。这是一项免费服务。

Chinese Cantonese: 您對我們的健康或藥物保險可能存有疑問，為此我們提供免費的翻譯服務。如需翻譯服務，請致電 (833) 808-8161 (TTY:711) (粵語)。我們講中文的人員將樂意為您提供幫助。這是一項免費服務。

Tagalog: Mayroon kaming libreng serbisyo sa pagsasaling-wika upang masagot ang anumang mga katanungan ninyo hinggil sa aming planong pangkalusugan o panggamot. Upang makakuha ng tagasaling-wika, tawagan lamang kami sa (833) 388-8168 (TTY:711). Maaari kayong tulungan ng isang nakakapagsalita ng Tagalog. Ito ay libreng serbisyo.

French: Nous proposons des services gratuits d'interprétation pour répondre à toutes vos questions relatives à notre régime de santé ou d'assurance-médicaments. Pour accéder au service d'interprétation, il vous suffit de nous appeler au (833) 388-8168 (TTY:711). Un interlocuteur parlant Français pourra vous aider. Ce service est gratuit.

Vietnamese: Chúng tôi có dịch vụ thông dịch miễn phí để trả lời các câu hỏi về chương sức khỏe và chương trình thuốc men. Nếu quý vị cần thông dịch viên xin gọi (833) 808-8163 (TTY:711) sẽ có nhân viên nói tiếng Việt giúp đỡ quý vị. Đây là dịch vụ miễn phí.

German: Unser kostenloser Dolmetscherservice beantwortet Ihren Fragen zu unserem Gesundheits- und Arzneimittelpflicht. Unsere Dolmetscher erreichen Sie unter (833) 388-8168 (TTY:711). Man wird Ihnen dort auf Deutsch weiterhelfen. Dieser Service ist kostenlos.

Korean: 당사는 의료 보험 또는 약품 보험에 관한 질문에 대해 드리고자 무료 통역 서비스를 제공하고 있습니다. 통역 서비스를 이용하려면 전화 (833) 808-8164 (TTY:711) 번으로 문의해 주십시오. 한국어를 하는 담당자가 도와 드릴 것입니다. 이 서비스는 무료로 운영됩니다.

Russian: Если у вас возникнут вопросы относительно страхового или медикаментного плана, вы можете воспользоваться нашими бесплатными услугами переводчиков. Чтобы воспользоваться услугами переводчика, позвоните нам по телефону (833) 388-8168 (TTY:711). Вам окажет помощь сотрудник, который говорит по-русски. Данная услуга бесплатная.

Arabic: ان يدلل في ودال لودج وأحصل اب قل عتت قلئسأ ي ن ع قبا جاللل في ن ا جال يروفال م جرت مال تامدخ مدقن انن! ام صخش موقيس (833) 388-8168 (TTY:711) يلع انب لاصتالال يوس كليل ع سيل، يروف م جرت م يلع لوصحلل في ن ا ج م مدخ هذ. كتدع اس م ب في ب ر عل ا ش د ح تي.

Hindi: हमारे स्वास्थ्य या दवा की योजना के बारे में आपके किसी भी प्रश्न के जवाब देने के लिए हमारे पास मुफ्त दुभाषिया सेवाएँ उपलब्ध हैं। एक दुभाषिया प्राप्त करने के लिए, बस हमें (833) 388-8168 (TTY:711) पर फोन करें। कोई व्यक्ति जो हिन्दी बोलता है आपकी मदद कर सकता है। यह एक मुफ्त सेवा है।

Italian: È disponibile un servizio di interpretariato gratuito per rispondere a eventuali domande sul nostro piano sanitario e farmaceutico. Per un interprete, contattare il numero (833) 388-8168 (TTY:711). Un nostro incaricato che parla Italianovi fornirà l'assistenza necessaria. È un servizio gratuito.

Português: Dispomos de serviços de interpretação gratuitos para responder a qualquer questão que tenha acerca do nosso plano de saúde ou de medicação. Para obter um intérprete, contacte-nos através do número (833) 388-8168 (TTY:711). Irá encontrar alguém que fale o idioma Português para o ajudar. Este serviço é gratuito.

French Creole: Nou genyen sèvis entèprèt gratis pou reponn tout kesyon ou ta genyen konsènan plan medikal oswa dwòg nou an. Pou jwenn yon entèprèt, jis rele nou nan (833) 388-8168 (TTY:711). Yon moun ki pale Kreyòl kapab ede w. Sa a se yon sèvis ki gratis.

Polish: Umożliwiamy bezpłatne skorzystanie z usług tłumacza ustnego, który pomoże w uzyskaniu odpowiedzi na temat planu zdrowotnego lub dawkowania leków. Aby skorzystać z pomocy tłumacza znającego język polski, należy zadzwonić pod numer (833) 388-8168 (TTY:711). Ta usługa jest bezpłatna.

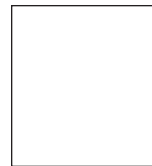
Japanese: 当社の健康 健康保険と薬品 処方薬プランに関するご質問にお答えするために、無料の通訳サービスがあります。通訳をご用命になるには、(833) 388-8168 (TTY:711) にお電話ください。日本語を話す人 者が支援いたします。これは無料のサービスです。

Khmer: យើងមានសេវាអ្នកបកប្រែដោយឥតគិតថ្លៃដើម្បីឆ្លើយសំណួរទាំងឡាយណាដែលអ្នកមានស្តីអំពីគម្រោងសុខភាព ឬឱសថរបស់យើង។ ដើម្បីទទួលបានអ្នកបកប្រែ សូមទូរស័ព្ទមកយើងតាមរយៈលេខ (833) 388-8168 (TTY:711) ។ អ្នកនិយាយភាសាខ្មែរណាម្នាក់អាចជួយអ្នកបាន។ នេះគឺជាសេវាកម្មឥតគិតថ្លៃ។

Thai: เรามีบริการล่ามฟรีเพื่อตอบคำถามที่คุณอาจมีเกี่ยวกับสุขภาพหรือยาของเรา หากคุณต้องการล่ามแปลภาษาไทยเพียงโทรหาเราที่ (833) 388-8168 (TTY:711) บุคคลที่พูดภาษาอังกฤษสามารถช่วยคุณได้ นี่คือการบริการฟรี



1801 NW 66th Avenue, Suite 100
Plantation, FL 33313



Thông tin Quan trọng

Hãy bắt đầu ngay hôm nay!



Hãy truy cập trực tuyến trang
web của chúng tôi tại
CleverCare.
NationsBenefits.com



Tải ứng dụng
MyBenefits xuống
thiết bị di động
của quý vị



Gọi cho chúng tôi
theo số
888-441-5976
(TTY: 711)



Hoàn thành và gửi
một mẫu đơn đặt
hàng tới NationsOTC



Nếu quý vị có bất kỳ thắc mắc nào hoặc cần trợ giúp đặt hàng, chúng tôi luôn sẵn sàng hỗ trợ quý vị. Các Cố vấn Trải nghiệm Thành viên của chúng tôi làm việc 24 giờ mỗi ngày, 7 ngày mỗi tuần, 365 ngày mỗi năm. Dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ sẽ được cung cấp miễn phí nếu quý vị cần.